

THỂ SAI KHIỂN

(Causative Form): Nghệ thuật
của sự "Bắt buộc"



Khi mệnh lệnh đi từ trên xuống dưới.

Trong tiếng Nhật, khi bạn muốn diễn tả việc "bắt" hoặc "khiến" ai đó làm việc gì đó, bạn cần dùng Thể Sai Khiển (使役形 - Shiekikei). Bài viết này tập trung vào khía cạnh Cưỡng chế (Kyōsei): Người trên ra lệnh cho người dưới.



CƠ CHẾ CỦA QUYỀN LỰC

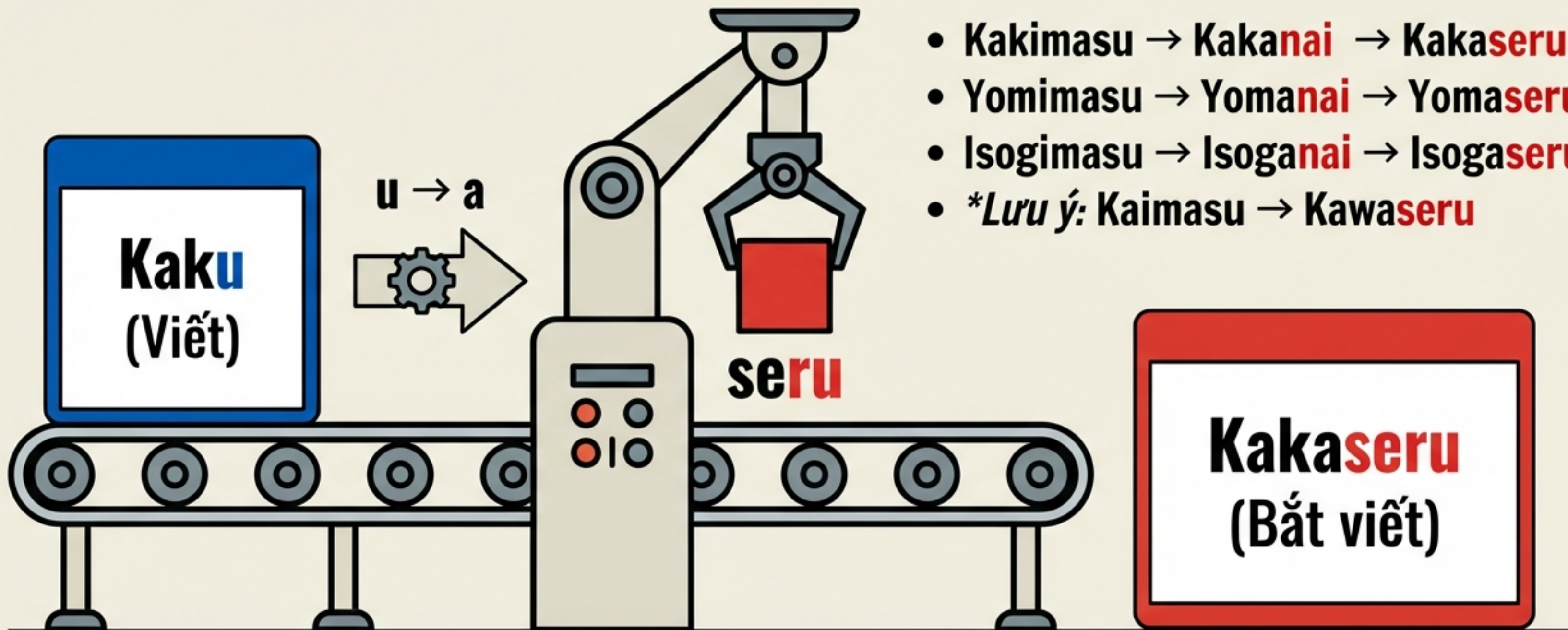
- **Định nghĩa:** Một người có địa vị cao hơn (Người ra lệnh) bắt buộc người có địa vị thấp hơn (Người thực hiện) phải làm một hành động nào đó.
- **Bản chất:** Ý chí của người thực hiện thường bị bỏ qua. Họ làm vì họ “phải” làm.
- **Lưu ý:** Tuyệt đối không dùng thể này để nói về hành động của cấp trên.

KHÔNG PHẢI LÀ "NHỜ VẢ", ĐÂY LÀ "CƯỖNG CHẾ"



Khác với 「～てください」 (Hãy làm...), Thể Sai Khiến mang sắc thái ép buộc mạnh mẽ.
Ví dụ: Con không thích ăn rau → Mẹ **bắt** con ăn rau.

CỔ MÁY BIẾN ĐỔI: NHÓM 1



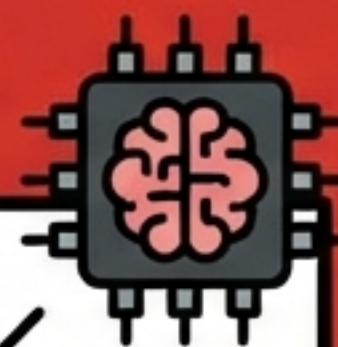
CỔ MÁY BIẾN ĐỔI: NHÓM 2 & 3

NHÓM 2 (Bỏ ru + saseru)

Taberu → **Tabesaseru** (Bắt ăn)

Miru → **Misaseru** (Bắt nhìn)

NHÓM 3 (Bất quy tắc)



Suru (Làm) → **Saseru** (Bắt làm)

Kuru (Đến) → **Kosaseru** (Bắt đến)

NGUYÊN LÝ TRỢ TỪ: TỰ ĐỘNG TỪ (JIDOUUSHI)

Khi hành động **không có tân ngữ** (Ví dụ: Đi, Đứng, Khóc), người thực hiện hành động sẽ đi với trợ từ 「O」 「O」 (を).

Sensei wa gakusei **O** tatasete. (Giáo viên bắt học sinh đứng).



Sensei **wa**



Gakusei **O**

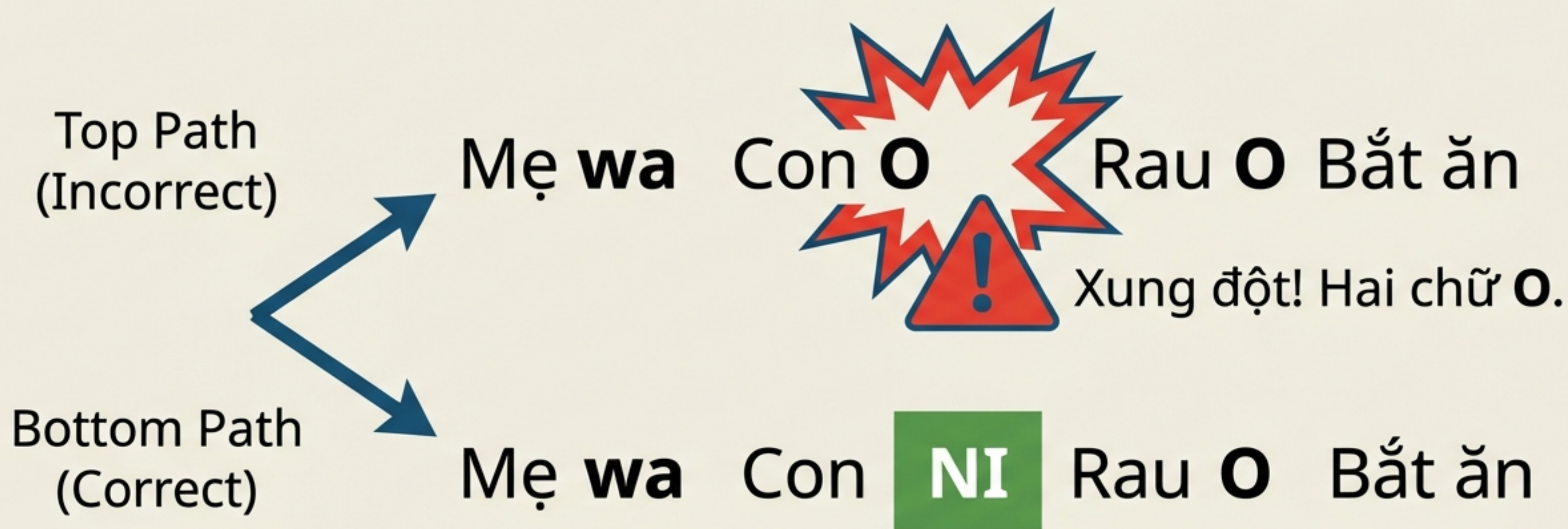


Tatasete (Bắt đứng)

Không có tân ngữ khác → Dùng **O**

NGUYÊN LÝ TRỢ TỪ: THA ĐỘNG TỪ (TADOUSHI)

Khi hành động **có tân ngữ** (Ví dụ: Ăn cơm, Đọc sách). Vì tân ngữ vật đã dùng 「**O**」, người thực hiện phải chuyển sang dùng 「**NI**」 (に).



Haha **wa** kodomo **ni** yasai **o** tabesaseteta. (Mẹ bắt con ăn rau).

BẢNG ĐỐI CHIẾU NHANH: O HAY NI?

TỰ ĐỘNG TỪ (Intransitive)



Người **O**
V(saseru)

Chichi wa kodomo **O**
ikasete.
(Bố bắt con đi).

THA ĐỘNG TỪ (Transitive)



Người **NI** Vật **O**
V(saseru)

Chichi wa kodomo **ni**
hon o yomasete.
(Bố bắt con đọc sách).

TÌNH HUỐNG 1: GIA ĐÌNH

Giáo dục con cái

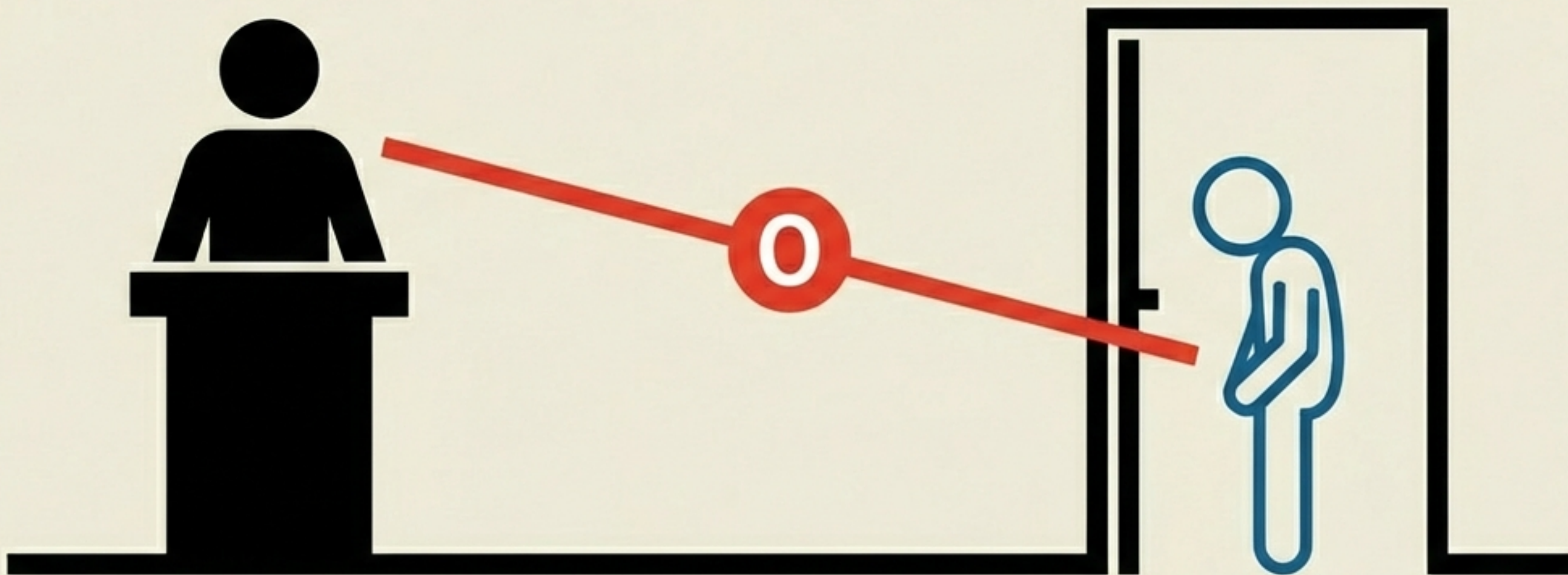
Cha mẹ thường dùng thể sai khiến để rèn luyện thói quen cho con, dù con không muốn. (Mẹ bắt con ăn rau).

[Haha] **wa** [Kodomo] **ni** [Yasai] **o** [Tabesasete].



TÌNH HUỐNG 2: NHÀ TRƯỜNG

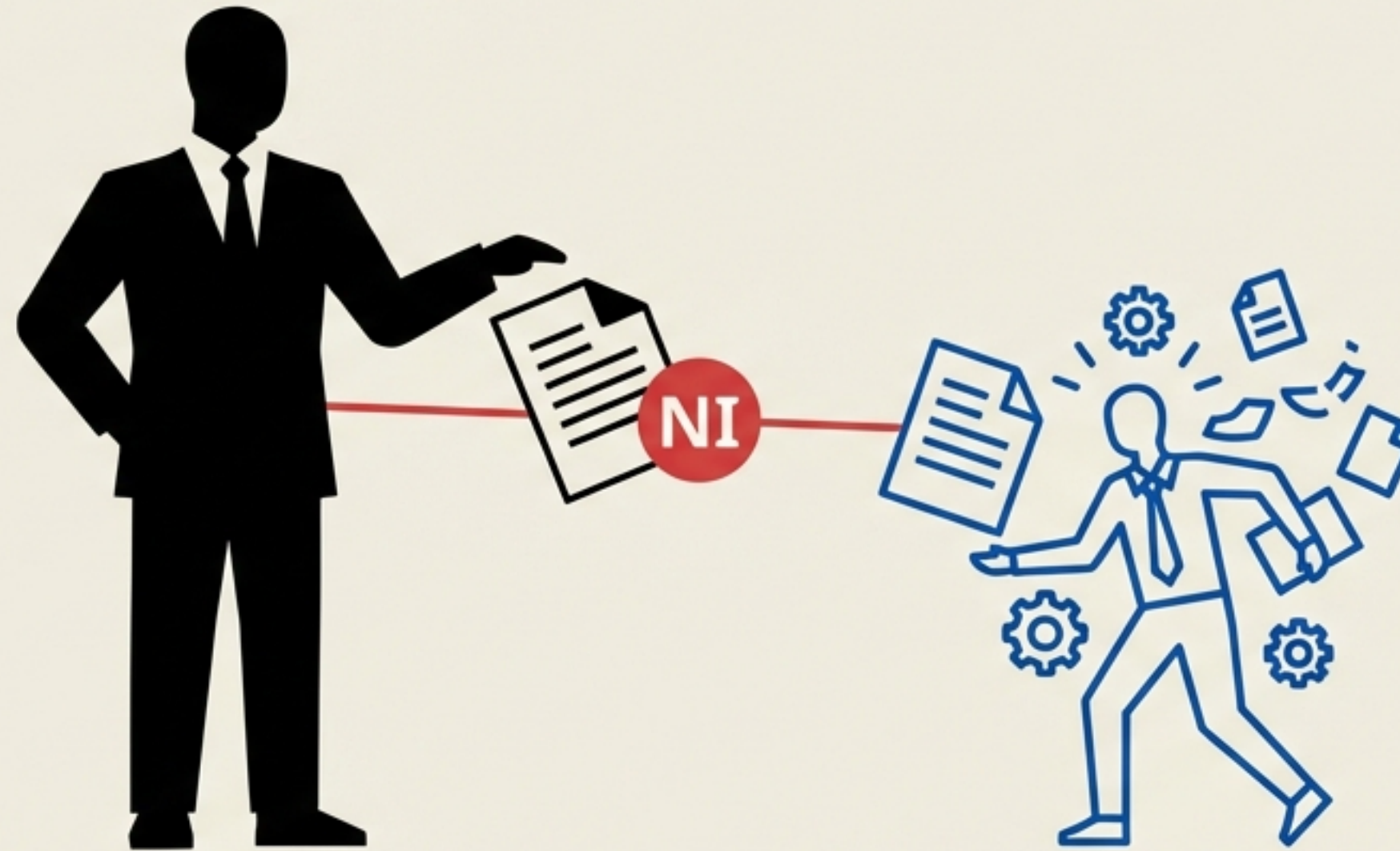
Kỷ luật & Hình phạt



Giáo viên bắt học sinh đứng ở hành lang.
Sensei wa gakusei **0** rouka ni tatasetta.
(‘Đứng’ là tự động từ → Dùng 0).

TÌNH HUỐNG 3: CÔNG SỞ

Mệnh lệnh cấp trên



Trưởng phòng bắt cấp dưới viết báo cáo.
Buchou wa buka ni repooto o kakasetta.
("Viết' là tha động từ → Dùng Ni).

PHÂN BIỆT: THA ĐỘNG TỪ VS. SAI KHIẾN

Sai khiến luôn có yếu tố “Con người” tác động lên người khác.
Tha động từ chỉ là chủ ngữ tác động lên vật.



THA ĐỘNG TỪ (Transitive)
Tôi làm rớt bút.
(Accident/Action)



SAI KHIẾN (Causative)
Tôi bắt anh ấy làm rớt bút.
(Coercion/Human Agent)

VÙNG NGUY HIỂM: ĐỪNG THẤT LỄ!

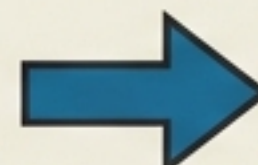
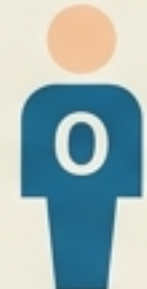


Quy tắc vàng: Không bao giờ dùng thể Sai khiến đối với người bề trên (Giáo viên, Sếp, Khách hàng).

SAI: "Tôi bắt Giám đốc đợi." (Shachou o mataseta) → Rất thô lỗ!

ĐÚNG: "Tôi đã để Giám đốc phải đợi." (Omatase shimashita).

TỔNG KẾT BÀI HỌC

Ý nghĩa	 Bắt buộc / Cường chế (Người trên → Người dưới) 
Nhóm 1	 Chuyển u → a + seru
Nhóm 2	 Bỏ ru + saseru
Trợ từ	Tự động từ = Người  Tha động từ = Người 

LỜI KẾT



Thể Sai Khiến (Cưỡng chế) nghe có vẻ nghiêm khắc, nhưng đó là một phần không thể thiếu để mô tả trật tự xã hội tại Nhật Bản. Hiểu rõ “Ai là người ra lệnh” và “Ai là người thực hiện” sẽ giúp bạn nắm vững cấu trúc này. Chúc các bạn học tốt!